

Công ty TNHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:.....

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm 2013

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐẦU SỐ 1900

- Căn cứ Bộ luật Dân sự Nước CHXHCN Việt Nam số 33/2005/QH11 thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Bộ luật Thương mại số 36/2005/QH11 Nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25/05/2002;
- Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03/09/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về Viễn thông;
- Căn cứ giấy phép kinh doanh số 0104002922 ngày 26/03/2008 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội về kinh doanh dịch vụ viễn thông, dịch vụ internet, dịch vụ gia tăng trên mạng viễn thông;
- Căn cứ vào Giấy phép 545/GP-BTTTT về việc cung cấp dịch vụ Điện thoại cố định và các dịch vụ viễn thông khác sử dụng giao thức IP;
- Căn cứ Quyết định ủy quyền số 1032012NS/QĐ-FTEL-FTI của Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT ngày 28 tháng 12 năm 2012

Sau khi xem xét yêu cầu của khách hàng và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT. Chúng tôi gồm:

Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):

Người đại diện:Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại :.....Email:.....

Số tài khoản VNĐ:.....Mở tại Ngân hàng:.....

Mã số thuế:.....

Bên cung cấp dịch vụ (Bên B): CÔNG TY TNHH

Người đại diện:Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại :Email:.....

Số tài khoản VND:.....Mở tại Ngân hàng:.....

Mã số thuế:.....

Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung cung cấp dịch vụ

Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ đầu số 1900 để Bên A dùng để thiết lập hệ thống và khai thác dịch vụ Thông tin giải trí thương mại với các thỏa thuận và cam kết theo các điều khoản của Hợp đồng này và Phụ lục số 01 đính kèm Hợp đồng này. Phụ lục số 01 là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này.

Điều 2: Quyền và trách nhiệm của Bên A

2.1 Quyền của Bên A

- Được giải thích, hướng dẫn về giá cước và cách sử dụng dịch vụ, thiết bị do Bên B cung cấp.
- Được chấm dứt hoặc tạm ngừng cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ đang sử dụng khi có yêu cầu bằng văn bản và có sự chấp nhận của Bên B.
- Được thay đổi địa chỉ sử dụng hoặc đổi số thuê bao đang sử dụng trong khả năng thực hiện của Bên B khi cần thiết.
- Được ủy quyền hoặc chuyển quyền sử dụng dịch vụ cho người khác nếu được sự chấp nhận của Bên B.
- Được thông báo, giải thích kịp thời về sự thay đổi điều kiện sử dụng dịch vụ bị gián đoạn các thông tin trong trường hợp bất khả kháng

- Được hoàn trả các khoản tiền ký quỹ, đặt cọc còn lại và khoản doanh thu dịch vụ chưa thanh toán (nếu có) khi chấm dứt Hợp đồng.

- Được phân chia doanh thu từ Khách hàng gọi đến dịch vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên A

- Thực hiện đúng các quy định về pháp luật, hướng dẫn của Bên B cùng các thỏa thuận đã cam kết tại hợp đồng này;

- Bên A tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung dịch vụ cung cấp.

- Khi bên A thay đổi địa chỉ lắp đặt thiết bị và số điện thoại sử dụng dịch vụ thì bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên B.

- Thanh toán hóa đơn tính cước phát sinh hàng tháng của dịch vụ đầy đủ và đúng hạn. Nếu làm hư hỏng hoặc mất thiết bị đầu cuối.

- Không sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao không đúng với tiêu chuẩn kỹ thuật do Bên B đưa ra.

- Thực hiện đúng các quy định, thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của Bên B

- Cung cấp đầy đủ các thông tin, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại.

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ còn lại cho Bên B khi chấm dứt Hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm bảo mật tên truy cập và mật khẩu của tài khoản người dùng để tra cứu cước trực tuyến do Bên B cung cấp.

- Trường hợp Bên A vi phạm điều khoản này sẽ phải chịu phạt một khoản tiền tương đương với 8% giá trị phân vi phạm.

Điều 3: Quyền và trách nhiệm của Bên B

Quyền của Bên B

- Được yêu cầu Bên A thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đã thỏa thuận ở Điều 3;

Có quyền đơn phương tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ trong trường hợp Bên A:

- a. Không thực hiện đúng hạn và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cước hoặc bồi thường (nếu có) cho Bên B như đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

- b. Tiếp tục sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao không đúng chuẩn, quy cách sử dụng khi đã được Bên B thông báo.
- c. Kinh doanh lại các dịch vụ do Bên B cung cấp khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.
- d. Tự ý chuyển quyền sử dụng dịch vụ mà không thực hiện đúng quy định, thủ tục cần thiết theo hướng dẫn và được sự đồng ý của Bên B.
- e. Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- e. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 60 (Sáu mươi) ngày làm việc kể từ ngày Bên B buộc phải áp dụng việc tạm ngừng dịch vụ đối với Bên A theo các điểm a, b, c, d tại khoản 3.1.2 mà Bên A vẫn không thực hiện các biện pháp như Bên B yêu cầu để sử dụng lại.
- c. **Trách nhiệm của Bên B**
 - 1. Hoàn thành việc xây dựng dịch vụ cho Bên A theo Kế hoạch triển khai trong Hợp đồng.
 - 2. Hướng dẫn về giá cước và cách sử dụng dịch vụ, thiết bị do Bên B cung cấp.
 - 3. Hướng dẫn cho Bên A các quy trình thủ tục để Bên A thực hiện các quyền: Tạm ngừng, chấm dứt Hợp đồng, thay đổi địa chỉ, thay đổi số điện thoại, ủy quyền, chuyển quyền sử dụng, hoặc thay đổi thiết bị đầu cuối
 - 4. Tiếp nhận và giải quyết kịp thời các khiếu nại của Bên A liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ theo Hợp đồng.
 - 5. Thông báo, giải thích kịp thời cho Bên A biết mọi sự thay đổi điều kiện sử dụng dịch vụ hoặc gián đoạn thông tin vì lý do bất khả kháng bằng hình thức thích hợp.
 - 6. Hoàn trả các khoản ký quỹ, đặt cọc và khoản doanh thu dịch vụ chưa thanh toán (nếu có) còn lại cho Bên A khi chấm dứt Hợp đồng.
 - 7. Thanh toán đúng hạn cho Bên A phần doanh thu từ khách hàng gọi vào dịch vụ hàng tháng theo tỷ lệ quy định tại Phụ lục số 01 và chịu mọi chi phí (chuyển tiền, phí ngân hàng và các chi phí khác có liên quan). Các khoản chậm thanh toán sẽ phải cộng thêm lãi quá hạn áp dụng theo lãi suất phạt chậm trả của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
 - 8. Cung cấp số liệu mà Bên B quản lý về doanh thu cước, lưu lượng cuộc gọi hàng tháng đến số dịch vụ đã cấp cho Bên A.
 - 9. Cung cấp cho Bên A hoá đơn tài chính để Bên A thanh toán đầy đủ các khoản mục theo đúng nội dung của Hợp đồng.

Điều 4: Cước dịch vụ

- 4. Cước cài đặt:
 - 1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng này, Bên A phải thanh toán cho Bên B 100% cước cài đặt.
 - 2. Cước cài đặt sẽ không được hoàn lại vì bất cứ lý do nào khi Bên A đã thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4, khoản 4.1.1.

4. Cước quản lý dịch vụ:

Hàng tháng, trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng phát sinh cước, Bên A phải thanh toán cho Bên B cước quản lý dịch vụ 1900.

4. Cước thu của khách hàng gọi vào dịch vụ:

Cước thu của khách hàng gọi vào dịch vụ Thông tin giải trí thương mại theo quy định của Bên B.

4. Thay đổi cước và phí:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, cước cài đặt, cước hàng tháng và cước thu của khách hàng gọi vào dịch vụ có thể thay đổi theo Quy định của Bộ thông tin và truyền thông Việt Nam. Trong trường hợp này, Bên B có thông báo bằng văn bản cho Bên A trước khi áp dụng.

4. Phân chia doanh thu cước của khách hàng gọi vào dịch vụ 1900:

Phần cước thu của khách hàng gọi vào số dịch vụ sẽ được chia cho các đơn vị tham gia cung cấp dịch vụ với tỷ lệ phân chia được quy định trong Phụ lục số 01.

Điều 5: Phương thức thanh toán

- Hàng tháng, trước ngày 10 (mười) của tháng kế sau tháng phát sinh cước, Bên B sẽ chuyển cho Bên A thông báo lưu lượng và doanh thu cuộc gọi vào số 1900. Trong trường hợp đến ngày đó Bên A chưa nhận được Thông báo này thì Bên A phải thông báo ngay cho Bên B biết.

- Thời hạn thanh toán:

Bên B sẽ chuyển cho Bên A 100% phần doanh thu mà Bên A được hưởng trong vòng 60 (Sáu mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng phát sinh cước.

Đến thời hạn này, nếu Bên A chưa nhận được khoản tiền thanh toán của Bên B, mà trước đó Hai Bên không có khiếu nại, thắc mắc nào về phần doanh thu của từng Bên, thì Bên A phải thông báo cho Bên B để Bên B khắc phục.

Điều kiện thanh toán:

Bên B không chịu trách nhiệm thanh toán cho bên A phần doanh thu phát sinh liên quan đến dịch vụ nội dung không hợp lệ, hoặc vi phạm pháp luật mà các Doanh nghiệp Viễn thông khác căn cứ vào quy định ngành hoặc pháp luật không thanh toán đối soát lại với bên B.

Đối với số truy nhập dịch vụ 1900 (thoại/ SMS) có từ 3 đơn khiếu nại / tháng trở lên (khiếu nại từ hệ thống CSKH của các nhà mạng hoặc thông tin từ cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến việc phát tán tin nhắn/ IVR lừa đảo, không phân biệt nội dung):

- Lần 1: tạm khóa lần 1 trong 15 ngày và giảm trừ 20% tổng doanh thu tại tháng phát sinh khiếu nại.
- Lần 2: tạm khóa lần 2 trong vòng 30 ngày và giảm trừ 50% doanh thu tại tháng phát sinh khiếu nại (trong trường hợp doanh thu không đủ 50% thì FPT sẽ truy thu lại phần còn thiếu).
- Lần 3: ngưng kết nối và tiến hành thu hồi đầu số. Không thực hiện phân chia doanh thu tại tháng phát sinh đơn khiếu nại.

5. Phương thức thanh toán:

Trực tiếp tại địa chỉ Bên B

Chuyển khoản

Điều 6: Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau, cùng với trách nhiệm khi chấm dứt Hợp đồng:

- Bên A không còn nhu cầu sử dụng hoặc chuyển quyền sử dụng cho người khác: Trách nhiệm được xác định rõ trong biên bản chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên A phải báo trước cho Bên B ít nhất là 30 (ba mươi) ngày làm việc trước khi chấm dứt Hợp đồng.

- Do Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo thỏa thuận tại điều 3, khoản 3.1.2. của Hợp đồng này. Bên B sẽ thông báo cho Bên A về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Trường hợp này Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ và bồi thường (nếu có) cho Bên B.

- Lưu lượng gọi đến số dịch vụ do Bên B cung cấp cho Bên A dưới hạn mức quy định của Bên B được quy định ở Phụ lục số 01.

- Các trường hợp khác do Pháp luật quy định: Trách nhiệm của mỗi Bên được áp dụng theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 7: Điều khoản chung

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng, Bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật.

- Mọi thay đổi liên quan đến nội dung Hợp đồng phải được thông báo bằng văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc và phải được Bên kia chấp nhận. Mọi chi phí phát

sinh liên quan đến việc thay đổi nội dung Hợp đồng do nguyên nhân từ Bên nào thì Bên đó có trách nhiệm thanh toán.

- Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này (nếu có) sẽ được Hai Bên thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp Hai Bên không thống nhất giải quyết, thì vụ việc sẽ được chuyển đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc Các Bên phải chấp hành.

- Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm ký kết hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B